uigeli.xyz

| ĐỀ 1 | ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I<br>NĂM HỌC 2025-2026<br>MÔN: TIẾNG VIỆT LỚP 1 |
|---|---|

**Đọc thành tiếng bài đọc sau:**

**1. Đọc âm, vần (2 điểm)**

| | |
|---|---|
| Âm, vần: | l, h , nh , ac , am, anh , ông , et |

**2. Từ ngữ (2 điểm)**

| | |
|---|---|
| Tiếng, từ: | Quả cam, bé gái, đi học, đôi dép, củ lạc, cây bàng, nải chuối, màu xanh |

**3. Đọc câu (2 điểm)**

| | |
|---|---|
| Đoạn văn: | Trường học là ngôi nhà thứ hai của em. Ở trường có cô giáo hiền như mẹ, có nhiều bè bạn thân thiết như anh em. |

**1/ Nghe – viết:**

**- anh, ương, ang, ac**

**- con cua, thả diều**

**2/ Nhìn - viết:**

**Suốt mùa hè chịu nắng**

**Che mát các em chơi**

**Đến đêm đông giá lạnh**

**Lá còn cháy đỏ trời.**

**II. Bài tập ( 4 điểm)**

1. **Câu 1: Đ**iền vần **ôm** hay **ơm** ( 1 điểm)

;

xyz

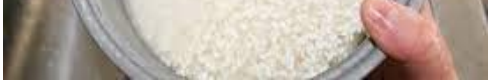

uigeli.xyz

nấu c…….

mì t……

Câu 2: Điền **ng / ngh** ( 1 điểm)

Củ ……..ệ

Bé …….ủ

**Câu 3.** Điền vần **ong** hay **ông**( 1 điểm)

Bông h……..…….. cái v……..…

Câu 4: Điền âm **k** hay **c**

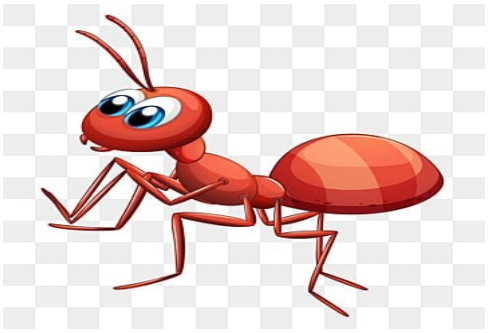

**Con ……..…**iến

quả … …am

**2. Nối:** (1 điểm)

| | |
|---|---|
| Trường em | rất đẹp. |
| Cánh đồng | rất khang trang, |
| Vườn hoa | rất sạch sẽ. |
| Lớp em | rộng mênh mông |

## HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KÌ I

### II. Bài tập ( 4 điểm)

1. **Câu 1: Đ**iền vần **ôm** hay **ơm** ( 1 điểm)

;

nấu cơm

mì tơm

Câu 2: Điền **ng / ngh** ( 1 điểm)

Củ nghệ

Bé ng.ủ

**Câu 3.** Điền vần **ong** hay **ông**( 1 điểm)

**Câu 3.** Điền vần **ong** hay **ông**( 1 điểm)

Bông hồng……..…….. cái vong…….

Câu 4: Điền âm **k** hay **c**

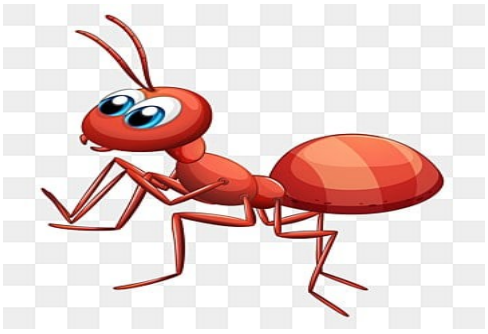

**Con …k**iến quả cam

**2. Nối:** (1 điểm)

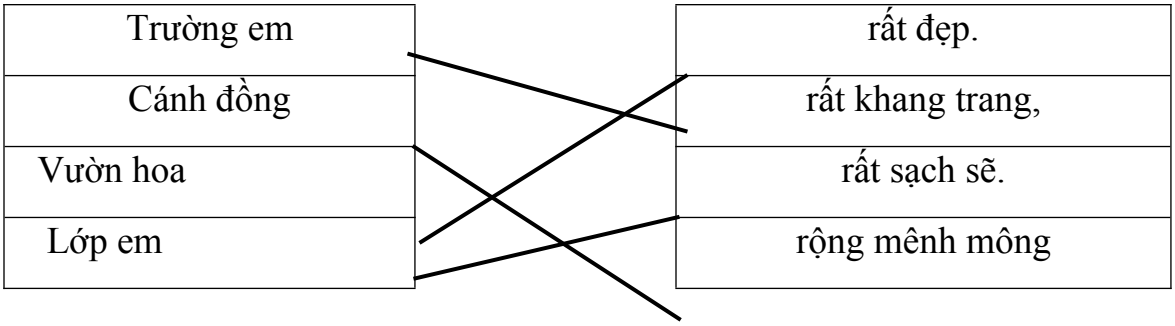


| **ĐỀ 2** | **ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I**<br>**NĂM HỌC 2025-2026**<br>**MÔN: TIẾNG VIỆT LỚP 1** |
|---|---|

## I. KIỂM TRA ĐỌC (10 điểm)

### *1. Đọc thành tiếng (6 điểm)*

**a - Đọc vần, tiếng** (2điểm-M1) **:** Giáo viên chỉ cho học sinh đọc các vần sau:

**- an, ong, iêc, uôt**
**- bình, chiếu, viên, buồm.**

**b - Đọc từ ngữ** (2điểm-M2)**:** Giáo viên chỉ cho học sinh đọc các từ ngữ sau:

**dòng kênh, chó mực, hạt mưa, thầy thuốc.**

**c - Đọc câu** (2điểm-M3)**:** Giáo viên chỉ cho học sinh đọc 2 trong những câu sau:

Suốt mùa hè chịu nắng
Che mát các em chơi
Đến đêm đông giá lạnh
Lá còn cháy đỏ trời.
*(Trần Đăng Khoa)*

Câu hỏi: Nói tên loài cây được nhắc đến trong bài thơ.

***2. Đọc hiểu (4 điểm)***

- Chọn vần thích hợp điền vào chỗ chấm: ***anh hay inh***: (0,5 điểm-M2)

**Chim c..... cụt** **cái k.....**

- Chọn vần thích hợp điền vào chỗ chấm: ***uông hay iêng***: (0,5 điểm-M2)

**rau m.....** **sầu r.....**

- Chọn âm thích hợp điền vào chỗ chấm: ***ng hay ngh***: (0,5 điểm-M2)

**.....ệ sĩ** **....ư dân**

- Chọn âm thích hợp điền vào chỗ chấm: ***g hay gh***: (0,5 điểm-M2)

**.....à** **.....ế**

- Nối ô chữ cho phù hợp: (2 điểm-M3)

| **Cột A** | **Cột B** |
|---|---|
| hạt | sắt |
| mặt | mưa |

đất

trời

két

sét

## II. KIỂM TRA VIẾT: (10 điểm)

**Câu 1: Viết vần: iêng, ach, uôi, iêp, ang, uông, uôm, ai, êu, at** (Viết mỗi vần thành 1 dòng) (5 điểm-M1)

**Câu 2: Viết từ: bầu trời, già yếu, cánh đồng, tắm biển, chuồn chuồn, cái liềm**
(Viết mỗi từ thành 1 dòng) (3 điểm-M2)

**Câu 3: Viết lại câu sau:** (2 điểm-M3)

**Mỗi lần về thăm quê, bà lại đưa Nam đi chợ.**

| ĐỀ 3 | ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I<br>NĂM HỌC 2025-2026<br>MÔN: TIẾNG VIỆT LỚP 1 |
|---|---|

**A. Kiểm tra đọc:** (10 điểm)

**I. Kiểm tra đọc thành tiếng:** (7 điểm)

- Kiểm tra đọc thành tiếng từng học sinh:

1. Đọc các vần: **ai, an, on, uc, en, ôc, oc, in.**

2. Đọc các từ: **cô bé, cá cờ, gà gô, sư tử, bụi cỏ, sách vở, bờ đê, chợ đêm.**

3. Đọc câu: Bê có cỏ.

Sen nở thắm hồ.

Dì Mai là giáo viên mầm non.

**II. Đọc hiểu** (3 điểm)

Đọc thầm bài sau:

***Tết đến***

*Trời ren rét*
*Tết đến rồi*
*Đào mai nở*
*Thật là vui.*

**Câu 1.** Bài thơ nói đến ngày gì? (1 điểm) (M1)

a. Ngày Tết.
b. Ngày giỗ.
c. Ngày sinh nhật.

**Câu 2.** Nối cho phù hợp (1 điểm) (M1)

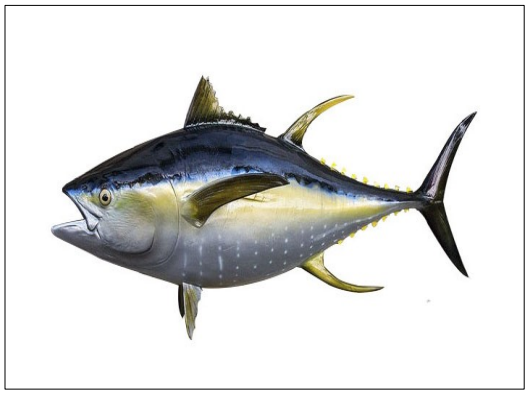

| Xe đạp | Cá ngừ |
|---|---|

**Câu 3.** Tìm và viết **tiếng** có chứa vần **ai** trong đoạn thơ trên.(1 điểm) (M1)

| | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |

**B. Kiểm tra viết:** (10 điểm)

**I. Viết chính tả:** Tập chép (7 điểm)

**Cô dạy**

*Mẹ mẹ ơi cô dạy*
*Phải giữ sạch đôi tay*
*Bàn tay mà giây bẩn*

*Sách áo cũng bẩn ngay.*

**II. Làm bài tập:** (3 điểm)

**Câu 4.** Điền **c** hay **k** vào chỗ chấm (1,5 điểm) (**M2**)

a) con …….á
b) …….ì đà
c) …..ẽ đá

**Câu 5.** Điền chữ thích hợp vào chỗ chấm: (1,5 điểm) (**M3**)

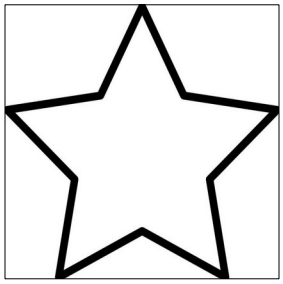

ngôi ……  y …….  cửa ……

## ĐÁP ÁN MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 1 – HỌC KỲ I

**A. Kiểm tra đọc:** (10 điểm)

**I. Kiểm tra đọc thành tiếng:** (7 điểm)

- Học sinh đọc trơn các vần, tiếng, từ và 1-3 câu (khoảng 20 chữ)

1. Đọc các vần: **ai, an, on, uc, en, ôc, oc, in** (2đ)

2. Đọc các từ: **cô bé, cá cờ, gà gô, sư tử, bụi cỏ, sách vở,  bờ đê, chó đốm**(2đ)

3. Đọc câu: Bê có cỏ. (1đ)

Sen nở thắm hồ. (1đ)

Dì Mai là giáo viên mầm non. (1đ)

**- Cách đánh giá các mức độ như sau:**

+ Tư thế, cách đặt sách vở, cách đưa mắt đọc đúng yêu cầu. (1 điểm)

+ Đọc trơn, đúng vần, tiếng, từ, cụm từ, câu. (1 điểm)

+ Âm lượng đọc vừa đủ nghe: (1 điểm)

+ Tốc độ đọc đạt yêu cầu ( tối thiểu 20 tiếng/1 phút): (1 điểm)

+ Phát âm rõ các âm vần khó, cần phân biệt. (1 điểm)

+ Ngắt, nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ: (1 điểm)

+ Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc: (1 điểm)

- Hình thức: Thiết kế các phiếu có ghi các vần, tiếng, từ và câu thơ cho từng học sinh đọc và trả lời câu hỏi. ( Đọc to và trả lời thành tiếng)

**II. Đọc hiểu** (3 điểm)

**Câu 1.** Bài thơ nói đến ngày gì? (1 điểm)

a. Ngày Tết.

**Câu 2.** Nối cho phù hợp (1 điểm) (M1)

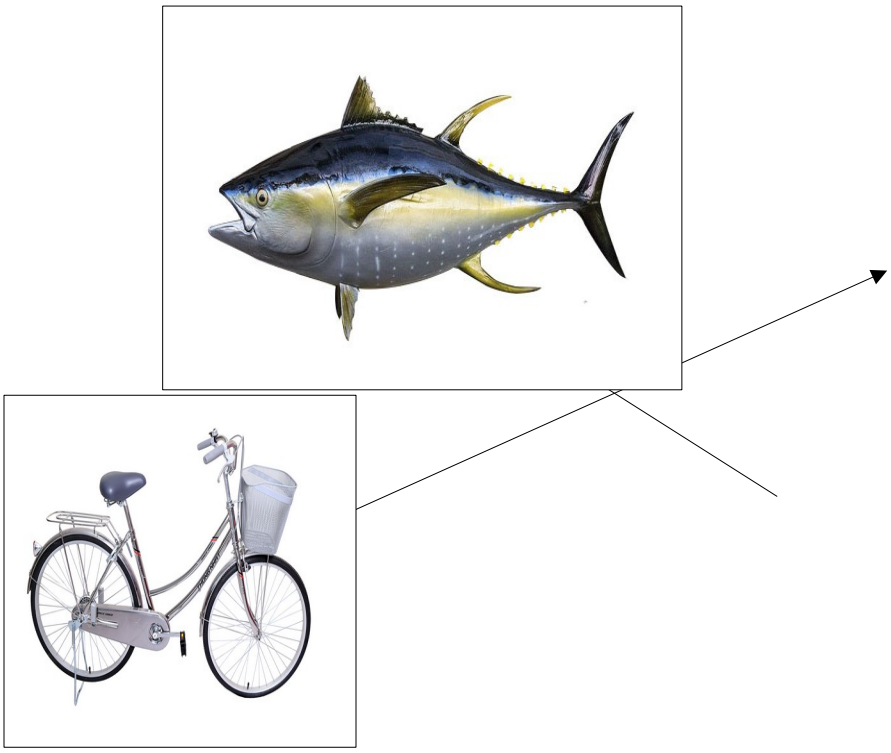

| Xe đạp | Cá ngừ |
|---|---|

**Câu 3**. Tìm và viết tiếng có chứa vần **ai** trong đoạn thơ trên?

**- phải.**

**B. Kiểm tra viết:** (10 điểm)

**I. Viết chính tả:** 7 điểm

- Viết đúng mẫu chữ, đúng chính tả, tốc độ viết khoảng 20 chữ/15 phút (4 điểm)

- Viết sạch, đẹp, đều nét (2 điểm)

- Trình bày đúng khổ thơ. (1 điểm)

**II. Làm bài tập:** (3 điểm)

**Câu 4.** Điền **c** hay **k** vào chỗ chấm (1,5 điểm)

a) con cá
b) kì đà
c) kẽ đá

**Câu 5.** Điền chữ thích hợp vào chỗ chấm: (1,5 điểm) Mỗi tiếng điền đúng: 0,5 điểm.

Thứ tự điền: **ngôi sao; y tá; cửa sổ.**

| ĐỀ 4 | ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I<br>NĂM HỌC 2025-2026<br>MÔN: TIẾNG VIỆT LỚP 1 |
|---|---|

**A. Kiểm tra đọc (10 điểm)**

**I. Đọc thành tiếng : ( 7 điểm)**

**II. Đọc hiểu (3 điểm): Đọc đoạn văn sau:**

**Thăm bà**

Mẹ sắp đồ cho bé Thắm về quê thăm bà. Bé ở nhà bà từ nhỏ. Bà chăm cho bé lắm. Bà bế ẵm, tắm rửa, ru cho bé ngủ. Chả thế mà Thắm nhớ bà lắm.

*Dựa vào đoạn văn trên thực hiện các yêu cầu sau:*

1. Khoanh tròn vào câu có ý đúng:

a. Bài đọc có mấy tiếng chứa vần ***ăp*** ?

A . bốn tiếng B. năm tiếng C. sáu tiếng D. không có tiếng nào

b. Mẹ cho bé đi đâu?

A. Đi học B. Đi chợ C. Đi chơi D. đi về quê thăm bà

2. Hoàn chỉnh câu sau:

Bé ....., ....., ru cho bé ngủ.

**B. Kiểm tra viết (10 điểm)**

**1. Chính tả (7 điểm)**

Chép bài văn sau:

**Về quê**

Nghỉ hè , bé về quê. Bà đưa bé đi chợ. Chợ có cá rô phi, cá mè, cá chép…Chợ bán quả cam, quả me, quả lê … Bà mua cam làm quà cho bé.

**2. Bài tập (3 điểm)**

a. Nối các tiếng phù hợp để tạo thành từ: ( 1 điểm)

| | |
|---|---|
| hộp | ớt |
| thầy | xếp |

| | |
|---|---|
| đèn | quà |
| quả | giáo |

b.Điền vào chỗ chấm chữ thích hợp: ( 1 điểm)

- c hay k : con ….ua …iến vàng cái ….ẹo củ …ải

c.Xếp các ô chữ để viết lại thành câu ( 1 điểm)

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Chị | Lan | hay. | hát | rất |

| | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |

| | |
|---|---|
| **ĐỀ 5** | **ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I**<br>**NĂM HỌC 2025-2026**<br>**MÔN: TIẾNG VIỆT LỚP 1** |

**A. PHẦN KIỂM TRA ĐỌC: (10 điểm)**

**I. Đọc thành tiếng (7 điểm):** Đọc ( 6 điểm)

1.Đọc âm, vần:

- Đọc các âm sau: k, kh, th, nh, u, ư, g, ng, ê, ơ, qu, tr, ch
- Đọc các vần sau: ai, ây , ươi , ut, ưt, anh, inh , yên, ên, iu, au

2. Đọc từ: Đọc các từ sau: gia đình, tươi cười, giày dép, cao thấp, bóng điện

3. Đọc các câu sau:

a) Chú bê be bé
Bú mẹ no nê
Mẹ chú có cỏ
Cho sữa đầy bầu.

b) Phòng học lớp em
Gọn gàng, ngăn nắp
Hộp bút, sách, cặp
Sắp xếp đúng nơi.

* Trả lời câu hỏi( 1 điểm): Phòng học lớp em như thế nào ?

**II. Đọc hiểu (3 điểm): Đọc đoạn văn sau:**

**Thăm bà**

Mẹ sắp đồ cho bé Thắm về quê thăm bà. Bé ở nhà bà từ nhỏ. Bà chăm cho bé lắm. Bà bế ẵm, tắm rửa, ru cho bé ngủ. Chả thế mà Thắm nhớ bà lắm.

*Dựa vào đoạn văn trên thực hiện các yêu cầu sau:*

1. Khoanh tròn vào câu có ý đúng:

c. Bài đọc có mấy tiếng chứa vần ***ăp*** ?

A . không có tiếng nào B. một tiếng C. hai tiếng D. ba tiếng

d. Mẹ cho bé đi đâu?

B. Đi học B. Đi chợ C. Đi chơi D. đi về quê thăm bà

2. Hoàn chỉnh câu sau:

Bé ....., ....., ru cho bé ngủ.

**B. KIỂM TRA VIẾT**( 10 điểm )

1. Chính tả ( tập chép ): Học sinh nhìn viết vào bài ( 7 điểm)

**Về quê**

Nghỉ hè, bé về quê. Bà đưa bé đi chợ. Chợ có cá rô phi, cá mè, cá chép…Chợ bán quả cam, quả me, quả lê … Bà mua cam làm quà cho bé.

2. Bài tập (3 điểm)

a. Nối các tiếng phù hợp để tạo thành từ: ( 1 điểm)

| | |
|---|---|
| hộp | ớt |
| thầy | xếp |

| | |
|---|---|
| đèn | quà |
| quả | giáo |

b.Điền vào chỗ chấm chữ thích hợp: ( 1 điểm)

- c hay k : con ….ua …iến vàng cái ….ẹo củ …ải

c.Xếp các ô chữ để viết thành câu ( 1 điểm)

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Chị | Lan | hay. | hát | rất |

| | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |

## HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM MÔN TIẾNG VIỆT

**A. Kiểm tra đọc (10 điểm)**

**I. Đọc thành tiếng:**

**1- Kiểm tra đọc thành tiếng kết hợp kiểm tra nghe nói (kiểm tra từng cá nhân): (6 điểm)**

*Cách đánh giá, cho điểm:*

+ Thao tác đọc đúng: tư thế, cách đặt sách vở, cách đưa mắt đọc; phát âm rõ các âm vần khó, cần phân biệt: 1 điểm

+ Đọc trơn, đúng tiếng, từ, cụm từ, câu (không đọc sai quá 10 tiếng): 1 điểm

+ Âm lượng đọc vừa đủ nghe: 1 điểm

+ Tốc độ đọc đạt yêu cầu (40 – 52 tiếng/1 phút): 2 điểm

+ Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ: 1 điểm

**2. Trả lời câu hỏi( 1 điểm): Phòng học lớp em như thế nào ?**

Trả lời: Phòng học lớp em gọn gàng, ngăn nắp.

**II- Kiểm tra đọc hiểu (bài kiểm tra viết cho tất cả học sinh): 3 điểm**

*Cách đánh giá, cho điểm:*

1. 2 điểm

a, B. một tiếng ( 1 điểm) b. D. đi về quê thăm bà ( 1 điểm)

2. 1 điểm

Bà ***bế ẵm, tắm rửa***, ru cho bé ngủ.

**B. KIỂM TRA VIẾT**( 10 điểm )

1.Chính tả: 7 điểm

- Sai 1 lỗi trừ 0,5 điểm
- Chữ viết không đúng mẫu trừ 1 điểm
- Bài viết không sạch đẹp trừ 1 điểm

2.Bài tập chính tả ( 3 điểm):

a.1 điểm: Đúng 1 từ được 0,25 điểm

b.1 điểm: Đúng 1 từ được 0,25 điểm

c.1 điểm: Viết đúng câu: *Chị Lan hát rất hay.*